



## **Công ty Cổ phần SAM Holdings**

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



# Công ty Cổ phần SAM Holdings

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 35

# Công ty Cổ phần SAM Holdings

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần SAM Holdings ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 059162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30 tháng 3 năm 1998, và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 02/GPPH do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ký ngày 2 tháng 6 năm 2000.

Hoạt động kinh doanh đăng ký trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, mua bán các loại cáp, vật liệu viễn thông, vật liệu dân dụng; bobin gỗ (trục gỗ dùng quấn dây cáp); xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm cáp chuyên ngành viễn thông và vật liệu điện dân dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị; sản xuất và kinh doanh sản phẩm dây đồng, sản phẩm ống nhựa các loại; cho thuê văn phòng; đầu tư phát triển kinh doanh nhà, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh sân golf; dịch vụ lưu trú, dịch vụ du lịch.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 152/11B Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hải Dương	Chủ tịch	
Ông Hồ Anh Dũng	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019
Ông Hoàng Trí Cường	Phó Chủ tịch	từ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2019
Ông Nguyễn Hồng Hải	Thành viên	
Ông Chu Đức Tâm	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019
Bà Lê Thị Lan Hương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019
Ông Trần Hải Quang	Thành viên	từ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2019

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Vũ Thị Thanh Thủy	Trưởng Ban	bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019
Ông Nguyễn Văn Nguyên	Trưởng Ban	từ nhiệm ngày 8 tháng 3 năm 2019
Bà Chung Thị Kiều Ngân	Thành viên	
Ông Hoàng Giang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Việt Anh	Tổng Giám đốc	
Ông Phương Thành Long	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Ngọc Tùng	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 31 tháng 1 năm 2019

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Việt Anh

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần SAM Holdings

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SAM Holdings ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các số sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các số sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 để ngày 23 tháng 3 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Trần Việt Anh  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2020

Số tham chiếu: 61354714/21094343

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần SAM Holdings**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần SAM Holdings ("Công ty") được lập ngày 23 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Lê Quang Minh  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 0426-2018-004-1



---

Dương Thị Nữ  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 3798-2016-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>712.961.896.045</b>	<b>682.152.011.560</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>55.571.016.531</b>	<b>9.882.861.607</b>
111	1. Tiền		55.571.016.531	9.882.861.607
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>187.250.670.907</b>	<b>304.990.313.434</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		343.537.744.467	391.118.428.057
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(156.287.073.560)	(86.128.114.623)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>468.338.154.876</b>	<b>366.653.895.357</b>
132	1. Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	818.400.000
135	2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	27.000.000.000	7.600.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	441.338.154.876	358.235.495.357
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.802.053.731</b>	<b>624.941.162</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		11.172.727	126.378.205
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		248.174.546	94.209.823
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	1.542.706.458	404.353.134
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.883.435.592.351</b>	<b>2.877.933.694.789</b>
<b>210</b>	<b>I. Khoản phải thu dài hạn</b>		<b>1.516.978.880</b>	<b>71.266.978.880</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	1.516.978.880	71.266.978.880
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>93.462.464</b>	<b>304.764.681</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	93.462.464	72.154.685
222	Nguyên giá		15.674.093.480	16.064.884.550
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(15.580.631.016)	(15.992.729.865)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	232.609.996
228	Nguyên giá		697.830.000	697.830.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(697.830.000)	(465.220.004)
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>9</b>	<b>2.881.306.188.714</b>	<b>2.805.526.534.172</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.888.888.892.000	1.867.888.892.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		692.700.970.000	696.200.970.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		482.900.000.000	415.400.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(183.183.673.286)	(173.963.327.828)
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>518.962.293</b>	<b>835.417.056</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		372.829.497	835.417.056
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		146.332.796	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>3.596.397.488.396</b>	<b>3.560.085.706.349</b>





BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.027.497.443.831</b>	<b>1.037.570.600.321</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.026.967.443.831</b>	<b>403.916.200.321</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		2.611.600	176.442.264
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	87.761.638	88.192.241
314	3. Phải trả người lao động		633.144.655	593.112.882
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	11	2.752.758.948	17.911.692.287
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	12	1.900.000.000	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	901.785.947.087	94.303.825.869
320	7. Vay ngắn hạn	14	118.000.000.000	289.983.522.914
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.805.219.903	859.411.864
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>530.000.000</b>	<b>633.654.400.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		530.000.000	60.000.000
338	2. Vay dài hạn	14	-	633.594.400.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.568.900.044.565</b>	<b>2.522.515.106.028</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>15</b>	<b>2.568.900.044.565</b>	<b>2.522.515.106.028</b>
411	1. Vốn cổ phần		2.565.045.400.000	2.490.362.630.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.565.045.400.000	2.490.362.630.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		142.970.000	142.970.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.711.674.565	32.009.506.028
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		3.711.674.565	32.009.506.028
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>3.596.397.488.396</b>	<b>3.560.085.706.349</b>

  
Lý Thị Nhã Hạnh  
Người lập

  
Võ Nữ Từ Anh  
Kế toán trưởng

  
Trần Việt Anh  
Tổng Giám đốc



Ngày 23 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.1	2.588.863.636	175.751.595.508
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	17	(58.228.752)	(64.266.324.260)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.530.634.884	111.485.271.248
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	16.2	243.319.754.123	200.221.640.580
22	5. Chi phí tài chính	18	(178.983.645.019)	(202.973.770.913)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(57.903.725.645)	(94.997.534.226)
25	6. Chi phí bán hàng	19	-	(13.206.379.636)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(19.697.852.133)	(24.541.302.518)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		47.168.891.855	70.985.458.761
31	9. Thu nhập khác		60.778.709	84.000.000
40	10. Lợi nhuận khác		60.778.709	84.000.000
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		47.229.670.564	71.069.458.761
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.1	-	(17.347.247.005)
52	13. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	20.3	146.332.796	(387.980.289)
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		47.376.003.360	53.334.231.467

Lý Thị Nhã Hạnh  
Người lập

Võ Nữ Từ Anh  
Kế toán trưởng



Trần Việt Anh  
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b> <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>47.229.670.564</b>	<b>71.069.458.761</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		260.302.217	971.570.124
03	Các khoản dự phòng		79.379.304.395	75.103.760.115
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(225.023.615.372)	(146.863.256.188)
06	Chi phí lãi vay	18	57.903.725.645	94.997.534.226
<b>08</b>	<b>(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(40.250.612.551)</b>	<b>95.279.067.038</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(115.411.450.508)	60.943.663.225
10	Giảm hàng tồn kho		-	5.523.039.839
11	Tăng các khoản phải trả		796.382.068.239	29.600.843.834
12	Giảm chi phí trả trước		577.993.037	2.376.609.415
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		47.580.683.590	190.617.144.078
14	Tiền lãi vay đã trả		(73.225.352.359)	(95.474.410.346)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.138.353.324)	(16.208.893.681)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(45.256.784)	(1.742.113.216)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>614.469.719.340</b>	<b>270.914.950.186</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(49.000.000)	-
22	Tiền thu do nhượng bán bất động sản đầu tư		-	101.679.760.000
23	Tiền chi cho vay		(89.000.000.000)	(41.800.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		63.100.000.000	5.600.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(96.152.400.000)	(555.779.315.412)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		250.000.000.192	111.414.885.800
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia		101.899.241.446	73.392.837.648
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>229.797.841.638</b>	<b>(305.491.831.964)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		276.793.768.659	463.703.261.651
34	Tiền trả nợ gốc vay		(1.075.371.691.573)	(422.677.989.815)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	15.2	(1.483.140)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(798.579.406.054)	41.025.271.836
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		45.688.154.924	6.448.390.058
60	Tiền đầu năm		9.882.861.607	3.434.471.549
70	Tiền cuối năm	4	55.571.016.531	9.882.861.607

Lý Thị Nhã Hạnh  
Người lập

Võ Nữ Từ Anh  
Kế toán trưởng



Trần Việt Anh  
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần SAM Holdings ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 059162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30 tháng 3 năm 1998, và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 02/GPPH do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ký ngày 2 tháng 6 năm 2000.

Hoạt động kinh doanh đăng ký trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, mua bán các loại cáp, vật liệu viễn thông, vật liệu dân dụng; bobin gỗ (trục gỗ dùng quấn dây cáp); xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm cáp chuyên ngành viễn thông và vật liệu điện dân dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị; sản xuất và kinh doanh sản phẩm dây đồng, sản phẩm ống nhựa các loại; cho thuê văn phòng; đầu tư phát triển kinh doanh nhà, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh sân golf, dịch vụ lưu trú, dịch vụ du lịch.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là mười hai (12) tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 152/11B Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 26 (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 28).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 9.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đề ngày 23 tháng 3 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)**

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.3 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.4 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 *Khấu hao và hao mòn***

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 10 năm
Máy móc và thiết bị	6 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Thương hiệu	3 năm

**3.6 *Chi phí đi vay***

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào chi phí phát sinh trong năm.

**3.7 *Chi phí trả trước***

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.8 *Các khoản đầu tư***

*Đầu tư vào các công ty con*

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Chung khoản kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chung khoản kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.9 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước***

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

**3.11 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tái sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**3.12 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức báo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trong yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.13 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. TIỀN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	55.571.016.531	9.882.861.607

VND

## Công ty Cổ phần SAM Holdings

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Mã cổ phiếu	Số cuối năm			Số đầu năm			VND
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
- Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP (*)	DVN	283.624.800.000	127.558.000.000	(156.066.800.000)	283.624.800.000	203.196.000.000	(80.428.800.000)	
- Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (**)	DNP	49.445.997.910	59.650.770.000	-	97.995.673.350	107.971.200.000	-	
- Công ty Cổ phần Alphanam	ALP	7.243.518.147	7.243.518.147	-	7.243.518.147	1.772.604.084	(5.470.914.063)	
- Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển	VAF	1.385.836.600	1.736.703.840	-	1.762.360.000	2.565.987.200	-	
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VCB	1.345.515.250	1.353.000.000	-	-	-	-	
- Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan dầu khí	PVD	492.076.560	271.803.000	(220.273.560)	492.076.560	263.676.000	(228.400.560)	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>343.537.744.467</b>	<b>197.813.794.987</b>	<b>(156.287.073.560)</b>	<b>391.118.428.057</b>	<b>315.769.467.284</b>	<b>(86.128.114.623)</b>	

(\*) Toàn bộ cổ phiếu Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản trái phiếu ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh số 14.2).

(\*\*) Một phần cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn ngân hàng của công ty con - Công ty Cổ phần Sam Nông nghiệp Công nghệ cao.

## Công ty Cổ phần SAM Holdings

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

	Mã cổ phiếu	Số đầu năm	Mua trong năm	Bán trong năm	Số cuối năm
<i>Lý do thay đổi các khoản đầu tư như sau:</i>					
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	DNP	6.748.200	3.370.100	(6.748.200)	3.370.100
- Về số lượng		97.995.673.350	49.445.997.910	(97.995.673.350)	49.445.997.910
- Về giá trị		229.106	-	(48.950)	180.156
Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển	VAF	1.762.360.000	-	(376.523.400)	1.385.836.600
- Về số lượng		-	15.000	-	15.000
- Về giá trị		-	1.345.515.250	-	1.345.515.250
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VCB	-	-	-	-
- Về số lượng		-	-	-	-
- Về giá trị		-	-	-	-
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	PXL	-	50.130	(50.130)	-
- Về số lượng		-	3.292.733.703	(3.292.733.703)	-
- Về giá trị		-	-	-	-
Công ty Cổ phần FPT	FPT	-	70.000	(70.000)	-
- Về số lượng		-	3.331.589.900	(3.331.589.900)	-
- Về giá trị		-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận	PNJ	-	21.000	(21.000)	-
- Về số lượng		-	2.212.327.520	(2.212.327.520)	-
- Về giá trị		-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

		Số cuối năm	Số đầu năm
			VND
Cho vay bên liên quan (Thuyết minh số 21)	(i)	27.000.000.000	7.600.000.000

(i) Chi tiết khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ bên liên quan như sau:

Bên vay	Số cuối năm	Lãi suất cho vay	Hình thức đảm bảo
		VND (%/năm)	
<b>Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm</b>			
Hợp đồng số 01/2019/SAM-STL/HĐVV	27.000.000.000	11,5%	Tin chấp

Đây là các khoản cho vay ngắn hạn có kỳ hạn trả gốc mười hai (12) tháng.

**7. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>441.338.154.876</b>	<b>358.235.495.357</b>
Đặt cọc nhận chuyển nhượng cổ phần	-	123.122.423.412
- Mua cổ phần của doanh nghiệp trong lĩnh vực bất động sản	-	123.122.423.412
Vốn góp hợp đồng hợp tác đầu tư ("HĐHTĐT") (i)	326.160.581.937	127.850.000.000
Phải thu từ chuyển nhượng vốn	105.780.149.500	105.780.149.500
Cổ tức	5.162.500.000	-
Lãi cho vay	2.763.768.439	1.322.167.445
Tạm ứng nhân viên	1.421.155.000	20.255.000
Khác	50.000.000	140.500.000
<b>Dài hạn</b>	<b>1.516.978.880</b>	<b>71.266.978.880</b>
Vốn góp HĐHTĐT (ii)	1.250.000.000	71.000.000.000
Đặt cọc	266.978.880	266.978.880
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>442.855.133.756</b>	<b>429.502.474.237</b>
Trong đó:		
Phải thu các bên khác	414.554.786.154	407.080.619.464
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 21)	28.300.347.602	22.421.854.773

(i) Chi tiết khoản vốn góp HĐHTĐT ngắn hạn như sau:

- Khoản vốn góp HĐHTĐT trị giá 326.160.581.937 VND với các cá nhân liên quan đến việc ủy thác đầu tư để mua cổ phần doanh nghiệp, chứng khoán kinh doanh.

(ii) Chi tiết khoản vốn góp HĐHTĐT dài hạn như sau:

- Khoản vốn góp trị giá 1.250.000.000 VND góp vốn trong HĐHTĐT với cá nhân theo hợp đồng số 12/2018/HĐHT/SAM-VA ngày 25 tháng 7 năm 2018 và phụ lục hợp đồng số 01/12/2018/HĐHT/SAM-VA ngày 10 tháng 9 năm 2019.

## Công ty Cổ phần SAM Holdings

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 8. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
					VND
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	11.906.769.352	134.290.000	2.654.682.718	1.369.142.480	16.064.884.550
Mua trong năm	-	-	-	49.000.000	49.000.000
Thanh lý, nhượng bán	(439.791.070)	-	-	-	(439.791.070)
Số cuối năm	11.466.978.282	134.290.000	2.654.682.718	1.418.142.480	15.674.093.480
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	11.466.978.282	-	2.654.682.718	1.369.142.480	15.490.803.480
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	(11.906.769.352)	(62.135.315)	(2.654.682.718)	(1.369.142.480)	(15.992.729.865)
Khấu hao trong năm	-	(26.857.992)	-	(834.229)	(27.692.221)
Thanh lý, nhượng bán	439.791.070	-	-	-	439.791.070
Số cuối năm	(11.466.978.282)	(88.993.307)	(2.654.682.718)	(1.369.976.709)	(15.580.631.016)
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	-	72.154.685	-	-	72.154.685
Số cuối năm	-	45.296.693	-	48.165.771	93.462.464

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>VND Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty con <i>(Thuyết minh số 9.1)</i>	1.888.888.892.000	1.867.888.892.000
Đầu tư vào công ty liên kết <i>(Thuyết minh số 9.2)</i>	692.700.970.000	696.200.970.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác <i>(Thuyết minh số 9.3)</i>	482.900.000.000	415.400.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	<u>(183.183.673.286)</u>	<u>(173.963.327.828)</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.881.306.188.714</u></b>	<b><u>2.805.526.534.172</u></b>

## Công ty Cổ phần SAM Holdings

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 9.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	Kinh doanh khu du lịch, sân golf	99,75%	897.300.000.000	99,75%	897.300.000.000
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	Sản xuất dây cáp	99,92%	499.600.000.000	99,92%	499.600.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	Kinh doanh bất động sản	74,99%	301.988.892.000	74,99%	301.988.892.000
Công ty TNHH Sacom Chip Sáng	Kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng	73,75%	118.000.000.000	73,75%	118.000.000.000
Công ty Cổ phần Sam Nông nghiệp Công nghệ cao (i)	Trồng trọt, chăn nuôi, chế biến và kinh doanh nông sản	72%	72.000.000.000	51%	51.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.888.888.892.000</b>		<b>1.867.888.892.000</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn			(163.155.226.367)		(150.353.003.338)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>			<b>1.725.733.665.633</b>		<b>1.717.535.888.662</b>

(i) Vào ngày 21 tháng 8 năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 2.100.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần Sam Nông nghiệp Công nghệ cao ("SAT") từ các cổ đông sáng lập khác với tổng giá trị nhận chuyển nhượng là 21.000.000.000 VND theo Nghị quyết số 28/2019/NQ-HDQT ngày 21 tháng 8 năm 2019. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong SAT tăng lên từ 51% lên 72%.

## Công ty Cổ phần SAM Holdings

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 9.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (i)	Kinh doanh dịch vụ du lịch	34,96%	534.052.970.000	34,96%	537.552.970.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt	Phát triển hạ tầng	45%	155.500.000.000	45%	155.500.000.000
Công ty Cổ phần Capella Việt Nam	Tổ chức sự kiện và quảng cáo	31,46%	3.148.000.000	31,46%	3.148.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>692.700.970.000</b>		<b>696.200.970.000</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn			(6.528.446.919)		(10.110.324.490)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>			<b>686.172.523.081</b>		<b>686.090.645.510</b>

(i) Một phần cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ được dùng làm tài sản thế chấp để phát hành trái phiếu (Thuyết minh số 14.2).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**9.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần	398.400.000.000	398.400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP (*)	67.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng Alphanam	13.500.000.000	13.500.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bưu Điện	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Vietferm	500.000.000	500.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>482.900.000.000</b>	<b>415.400.000.000</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(13.500.000.000)	(13.500.000.000)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>469.400.000.000</b>	<b>401.900.000.000</b>

(\*) Vào ngày 17 tháng 12 năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 4.500.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP với giá 15.000 VND/cổ phần. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty là 2,53%. Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại công ty này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Phải thu</b>				
Thuế TNDN	404.353.134	1.138.353.324	-	1.542.706.458
<b>Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	88.192.241	1.222.845.905	(1.223.276.508)	87.761.638
Thuế GTGT	-	668.939.249	(668.939.249)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>88.192.241</b>	<b>1.891.785.154</b>	<b>(1.892.215.757)</b>	<b>87.761.638</b>

**11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	1.863.013.698	16.723.611.167
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	255.000.000	230.000.000
Khác	634.745.250	958.081.120
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.752.758.948</b>	<b>17.911.692.287</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

Số dư này thể hiện số tiền đã nhận trước từ khách hàng liên quan đến việc cho thuê đất tại địa chỉ Đường số 3, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

**13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận vốn góp HĐHTĐT (*)	832.500.000.000	80.000.000.000
Chi phí lãi từ HĐHTĐT	40.852.554.794	-
Chi phí lãi vay	6.585.782.302	7.046.811.547
Kỳ quỹ để chuyển nhượng khoản đầu tư	5.000.000.000	5.000.000.000
Cổ tức	1.372.031.029	1.373.514.169
Khác	15.475.578.962	883.500.153
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>901.785.947.087</b>	<b>94.303.825.869</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên khác</i>	882.628.329.167	88.064.119.217
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 21)</i>	19.157.617.920	6.239.706.652

(\*) Chi tiết khoản nhận vốn góp HĐHTĐT ngắn hạn như sau:

- Khoản vốn góp HĐHTĐT trị giá 832.500.000.000 VND với các cá nhân liên quan đến việc nhận ủy thác đầu tư để mua cổ phần doanh nghiệp, chứng khoán kinh doanh.

## Công ty Cổ phần SAM Holdings

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 14. VAY

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>289.983.522.914</b>	<b>276.793.768.659</b>	<b>(448.777.291.573)</b>	<b>118.000.000.000</b>
Vay từ các bên liên quan (Thuyết minh số 14.1 và 21)	123.213.500.000	161.800.000.000	(267.013.500.000)	18.000.000.000
Trái phiếu (Thuyết minh số 14.2)	100.000.000.000	100.000.000.000	(100.000.000.000)	100.000.000.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	46.792.100.000	-	(46.792.100.000)	-
Vay từ Công ty Chứng khoán	19.977.922.914	14.993.768.659	(34.971.691.573)	-
<b>Dài hạn</b>	<b>633.594.400.000</b>	<b>-</b>	<b>(633.594.400.000)</b>	<b>-</b>
Vay từ ngân hàng	421.128.900.000	-	(421.128.900.000)	-
Vay từ bên liên quan (Thuyết minh số 21)	212.465.500.000	-	(212.465.500.000)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>923.577.922.914</b>	<b>276.793.768.659</b>	<b>(1.082.371.691.573)</b>	<b>118.000.000.000</b>

## Công ty Cổ phần SAM Holdings

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 14. VAY (tiếp theo)

#### 14.1 Các khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ các bên liên quan để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức bảo đảm
<b>Công ty TNHH Sacom Chip Sáng</b>				
Hợp đồng vay số HHD01/2019/SCS-SAM/HDVV và Phụ lục	10.000.000.000	Ngày 9 tháng 4 năm 2019	5,5%	Tin chấp
Hợp đồng vay số HHD02/2019/SCS-SAM/HDVV và Phụ lục	3.000.000.000	Ngày 18 tháng 4 năm 2019	5,5%	Tin chấp
	<u>13.000.000.000</u>			
<b>Công ty Cổ phần Sam Nông nghiệp Công nghệ cao</b>				
Hợp đồng vay số 3/112/2019/SAG/HDVV	5.000.000.000	Ngày 31 tháng 3 năm 2020	12,5%	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>18.000.000.000</u>			

### 14.2 Trái phiếu

Chi tiết khoản trái phiếu để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức bảo đảm
<b>Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank</b>				
Phát hành ngày 25 tháng 4 năm 2019	<u>100.000.000.000</u>	Ngày 25 tháng 4 năm 2020	10%	11.800.000 cổ phiếu phổ thông Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP; và 9.000.000 cổ phiếu phổ thông Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ

## Công ty Cổ phần SAM Holdings

B09-DN

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

##### 15.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
				VND
<b>Năm trước</b>				
Số dư đầu năm	2.417.857.030.000	142.970.000	53.367.689.519	2.471.367.689.519
Cổ tức bằng cổ phiếu	72.505.600.000	-	(72.505.600.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	53.334.231.467	53.334.231.467
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.186.814.958)	(2.186.814.958)
Số dư cuối năm	2.490.362.630.000	142.970.000	32.009.506.028	2.522.515.106.028
<b>Năm nay</b>				
Số dư đầu năm	2.490.362.630.000	142.970.000	32.009.506.028	2.522.515.106.028
Cổ tức bằng cổ phiếu (*)	74.682.770.000	-	(74.682.770.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	47.376.003.360	47.376.003.360
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(991.064.823)	(991.064.823)
Số dư cuối năm	2.565.045.400.000	142.970.000	3.711.674.565	2.568.900.044.565

(\*) Vào ngày 01 tháng 10 năm 2019, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 7.468.277 cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức 2018 bằng cổ phiếu với giá trị là 74.682.770.000 VND theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 02/2019/NQ-ĐHCD ngày 29 tháng 3 năm 2019 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 30/2019/NQ-HDQT ngày 26 tháng 8 năm 2019.

Vào ngày 18 tháng 11 năm 2019, Công ty đã nhận được GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 26 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 2.565.045.400.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**15.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm nay	VND Năm trước
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu năm	2.490.362.630.000	2.417.857.030.000
Cổ tức bằng cổ phiếu	<u>74.682.770.000</u>	<u>72.505.600.000</u>
Số cuối năm	<u>2.565.045.400.000</u>	<u>2.490.362.630.000</u>
<b>Cổ tức đã trả trong năm</b>		
Cổ tức đã trả	1.483.140	-

**15.3 Cổ phiếu phổ thông**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	256.504.540	249.036.263
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	256.504.540	249.036.263
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	256.504.540	249.036.263

**16. DOANH THU**

**16.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	VND Năm trước
Doanh thu cho thuê	2.588.863.636	4.071.835.508
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	-	101.679.760.000
Doanh thu bán hàng hóa bất động sản	<u>-</u>	<u>70.000.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.588.863.636</u></b>	<b><u>175.751.595.508</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên khác</i>	2.468.863.636	105.049.328.562
<i>Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh số 21)</i>	120.000.000	70.702.266.946

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. DOANH THU (tiếp theo)**

**16.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	119.231.658.455	19.849.691.800
Cổ tức nhận được	82.816.655.000	46.287.056.800
Thu nhập từ lãi cho vay, lãi tiền gửi và HĐHTĐT	22.975.290.180	2.686.118.017
Lãi từ kinh doanh chứng khoán	18.296.150.488	131.398.773.963
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>243.319.754.123</u></b>	<b><u>200.221.640.580</u></b>

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	58.228.752	576.211.359
Giá vốn hàng hóa bất động sản	-	39.300.643.439
Giá vốn bất động sản đầu tư	-	24.389.469.462
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>58.228.752</u></b>	<b><u>64.266.324.260</u></b>

**18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Dự phòng các khoản đầu tư	79.379.304.395	75.103.760.115
Chi phí lãi vay	57.903.725.645	94.997.534.226
Chi phí lãi từ HĐHTĐT	40.852.554.794	-
Lỗ từ kinh doanh chứng khoán	336.296.928	32.038.254.528
Khác	511.763.259	834.222.044
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>178.983.645.019</u></b>	<b><u>202.973.770.913</u></b>

**19. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>	-	<b>13.206.379.636</b>
- Chi phí môi giới	-	13.206.379.636
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>19.697.852.133</b>	<b>24.541.302.518</b>
- Chi phí lương	10.459.493.875	12.419.146.189
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.289.941.527	5.457.122.059
- Chi phí khấu hao và hao mòn	260.302.217	674.913.322
- Chi phí khác	3.688.114.514	5.990.120.948
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>19.697.852.133</u></b>	<b><u>37.747.682.154</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**20.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	17.347.247.005
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(146.332.796)	387.980.289
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>(146.332.796)</b>	<b>17.735.227.294</b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>47.229.670.564</b>	<b>71.069.458.761</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	9.445.934.113	14.213.891.752
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	7.671.064.091	12.754.802.457
Cổ tức nhận được	(17.263.331.000)	(9.257.411.360)
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(364.035.844)
Lỗ thuế năm nay	146.332.796	-
Khác	-	387.980.289
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>-</b>	<b>17.735.227.294</b>

**20.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**20.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lỗ thuế chuyển sang các năm sau	146.332.796	-	146.332.796	(387.980.289)
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>146.332.796</b>	<b>-</b>		
<b>Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại</b>			<b>146.332.796</b>	<b>(387.980.289)</b>

**20.4 Lỗ thuế chuyển sang các năm sau**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 731.663.982 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 0 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế</i>	<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>		<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	
			<i>Không được chuyển lỗ</i>	<i>Chưa chuyển lỗ</i>		
2019	2024	731.663.982	-	-	731.663.982	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>731.663.982</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>731.663.982</b>	

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

## Công ty Cổ phần SAM Holdings

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước	VND
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	Công ty con	Cổ tức Vay Chi phí lãi vay Doanh thu từ việc chuyển nhượng dự án Cho vay Phi môi giới Góp vốn Chi phí dịch vụ Lãi cho vay Chi hộ	15.082.500.000 10.000.000.000 430.560.977 - - - - - - - -	14.916.000.000 25.000.000.000 1.549.014.023 70.000.000.000 40.000.000.000 11.985.360.000 1.988.892.000 346.129.033 105.555.556 18.059.327	
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	Công ty con	Vay Cổ tức Chi phí lãi vay Khác Doanh thu cho thuê Góp vốn	115.800.000.000 29.976.000.000 1.161.978.084 67.072.600 - -	33.500.000.000 7.492.500.000 607.267.260 356.032.180 100.000.000	
Công ty Cổ phần Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	Công ty con	Thu hồi cho vay Cho vay Góp vốn Vay Lãi cho vay Doanh thu cho thuê Chi phí dịch vụ	48.100.000.000 47.000.000.000 21.000.000.000 5.000.000.000 470.875.343 120.000.000 -	- 1.100.000.000 32.000.000.000 - 14.556.164 - 30.000.000	

## Công ty Cổ phần SAM Holdings

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước	VND
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	Công ty con	Cho vay Thu hồi cho vay Chi phí lãi vay Lãi cho vay Chi phí dịch vụ Doanh thu cho thuê	42.000.000.000 15.000.000.000 13.923.801.754 1.777.931.506 40.807.277 -	- - 27.775.598.699 - 70.039.399 346.234.766	
Công ty TNHH Sacom Chip Sáng	Công ty con	Vay Cổ tức Chi phí lãi vay Chi phí dịch vụ Lãi cho vay	13.000.000.000 11.062.500.000 487.205.479 26.020.000 -	- - - 18.800.000 183.616.666	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt	Công ty liên kết	Vay Lãi cho vay Chi phí lãi vay	18.000.000.000 626.076.391 238.082.192	- 626.076.387 -	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	Công ty liên kết	Cổ tức Chi phí dịch vụ Góp vốn	24.193.655.000 311.591.009 -	17.244.712.500 156.870.913 112.168.000.000	
Thành viên Ban Tổng Giám đốc	Bên liên quan	Góp vốn HEHTĐT Tạm ứng	39.110.000.000 23.800.000.000	20.150.000.000 3.195.670.000	

## Công ty Cổ phần SAM Holdings

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
				VND
<b>Phải thu cho vay ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	Công ty con	Cho vay	27.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt	Công ty liên kết	Cho vay	-	6.500.000.000
Công ty Cổ phần Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	Công ty con	Cho vay	-	1.100.000.000
			<b>27.000.000.000</b>	<b>7.600.000.000</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Ông Phương Thành Long	Phó Tổng Giám đốc	Góp vốn HĐQT Tạm ứng	19.150.000.000 350.000.000	19.150.000.000 -
Công ty TNHH Sacom Chip Sáng	Công ty con	Cổ tức	5.162.500.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt	Công ty liên kết	Lãi cho vay	1.145.292.808	1.257.298.609
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	Công ty con	Lãi cho vay	878.726.027	-
Công ty Cổ phần Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	Công ty con	Lãi cho vay	363.828.767	14.556.164
			<b>27.050.347.602</b>	<b>21.421.854.773</b>
<b>Phải thu dài hạn khác</b>				
Ông Trần Việt Anh	Tổng Giám đốc	Góp vốn HĐQT	1.250.000.000	1.000.000.000

## Công ty Cổ phần SAM Holdings

B09-DN

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>					
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	Công ty con	Thu hộ Chi phí lãi vay	15.000.000.000 438.451.388	105.555.556	-
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	Công ty con	Chi phí lãi vay	2.000.000.000	5.978.154.013	-
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	Công ty con	Chi phí lãi vay	1.231.961.053	144.164.383	-
Công ty TNHH Sacom Chip Sáng	Công ty con	Chi phí lãi vay	487.205.479	-	-
Ông Trần Việt Anh	Tổng Giám đốc	Khác	-	11.832.700	-
			<b>19.157.617.920</b>	<b>6.239.706.652</b>	
<b>Vay ngắn hạn</b>					
Công ty TNHH Sacom Chip Sáng	Công ty con	Vay	13.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	Công ty con	Vay	5.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	Bên liên quan	Vay	-	57.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	Công ty con	Vay	-	33.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	Công ty con	Vay	-	27.713.500.000	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	Công ty con	Vay	-	5.000.000.000	-
			<b>18.000.000.000</b>	<b>123.213.500.000</b>	
<b>Vay dài hạn</b>					
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	Công ty con	Vay	-	212.465.500.000	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập và thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:


	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	<u>4.365.080.180</u>	<u>5.996.926.639</u>


**22. CAM KẾT VỀ BẢO LÃNH**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty cam kết bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom, công ty con của Công ty, đối với các nghĩa vụ của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom tại các ngân hàng.

**23. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

  
\_\_\_\_\_  
Lý Thị Nhã Hạnh  
Người lập

  
\_\_\_\_\_  
Võ Nữ Từ Anh  
Kế toán trưởng

  
\_\_\_\_\_  
Trần Việt Anh  
Tổng Giám đốc



Ngày 23 tháng 3 năm 2020



